

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGHI SƠN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST

Ngày: 27-02-2024

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Bá Trung

2. Ông Lê Thế Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Vân Ánh - Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện VKSND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:** Ông **Lâm Ngọc A** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2023/TLVA-KDTM ngày 30/10/2023 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐST-KDTM ngày 16/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐ-HPT ngày 31/01/2024 và Thông báo mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** **Ngân hàng TMCP N**

Địa chỉ: **A T, quận H, thành phố Hà Nội;**

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Phạm Quang D** - Chủ tịch HĐQT.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà **Lê Thị H** - Giám đốc **Ngân hàng TMCP N, chi nhánh N1.**

*Người được ủy quyền lại:*

1. Ông **Lê Thanh Đ** - Phó Giám đốc **Ngân hàng TMCP N, Chi nhánh N1.**

2. Ông **Nguyễn Mạnh H1** - Phó Trưởng phòng khách hàng **Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh N1.**

**- Bị đơn:** **Công ty cổ phần T.**

Địa chỉ: **Thôn N, xã T, TX N, tỉnh Thanh Hóa**

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Lê Hồng L** - Chức vụ: Giám đốc.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông **Lê Thanh Đ** có mặt; đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông **Lê Hồng L** vắng mặt không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* *Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:*

Ngân hàng TMCP N đã thỏa thuận cho Công ty cổ phần T (sau đây gọi tắt là Công ty T) vay tiền, cụ thể thể hiện tại 02 hợp đồng tín dụng sau:

### - Hợp đồng thứ nhất:

Ngày 21/5/2018, Ngân hàng TMCP N và Công ty cổ phần T ký kết Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 8783709/2018.NS/HĐTD, theo đó, Ngân hàng cho Công ty T vay số tiền 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng). Lãi suất cho vay trong hạn là 9.5%/năm và cố định trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, khoản vay sau thời gian ưu đãi = lãi suất huy động VND 24 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng 3.5%/năm nhưng không thấp hơn sàn cho vay cùng kỳ hạn của từng sản phẩm theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm đó, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần vào ngày mùng 5 hàng tháng đầu quý theo thông báo lãi suất từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP N, chi nhánh N1. Mức lãi suất áp dụng với dư nợ gốc bị quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn rút vốn vay là 02 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng có hiệu lực. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Tucson mới 100%.

Ngày 21/5/2018, Ngân hàng đã giải ngân cho công ty T số tiền 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng), thể hiện tại giấy nhận nợ số 01 ngày 21/05/2018.

Tài sản đảm bảo cho việc vay vốn theo Hợp đồng tín dụng trên là 01 xe ô tô con, 05 chỗ nhãn hiệu HYUNDAI, Model: Tucson, theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 053343 do phòng C công an tỉnh T cấp cho Công ty cổ phần T1 vẫn và đầu tư xây dựng hạ tầng Hồng Anh ngày 14/5/2018, Biển kiểm soát: 36A-321.01. (Ngân hàng đang giữ bản gốc chứng nhận đăng ký xe ô tô trên). Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 8783709/2018.NS/HĐTC ngày 21/05/2018. Hai bên đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng vào ngày 21/05/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng này từ tháng 7/2022. Tính đến hết ngày 26/2/2024, tại hợp đồng này Công ty T còn nợ Ngân hàng số tiền: 129.073.292đ (Trong đó: nợ gốc là 104.100.000đ, nợ lãi trong hạn là: 18.538.479đ, lãi quá hạn là: 6.434.813đ).

### - Hợp đồng thứ hai:

Ngày 05/02/2021, Ngân hàng và Công ty T ký kết hợp đồng cho vay theo hạn mức số 8783709/2021/HĐTD, theo đó, số tiền cho vay là 1.000.000.000đ (một tỉ đồng). Lãi suất vay trong hạn áp dụng cho từng giấy nhận nợ là mức lãi

suất cho vay ngắn hạn do bên cho vay công bố tại trụ sở của bên cho vay thời điểm nhận nợ, với mỗi khoản nhận nợ, lãi suất được cố định trong suốt thời hạn vay. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là 7.5%. Mức lãi suất áp dụng với dư nợ gốc bị quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn rút vốn vay là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng có hiệu lực. Thời hạn cho vay tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày ngân hàng giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay vốn là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngày 05/2/2021, Ngân hàng đã giải ngân cho công ty T số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), thể hiện tại giấy nhận nợ số 03 ngày 28/01/2022.

Tài sản bảo đảm cho việc vay vốn theo hợp đồng tín dụng trên là 01 xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu Toyota Camry Q theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021877 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T cấp cho Công ty Cổ phần T ngày 05/02/2021, Biên kiểm soát: 36A-187.63. (Ngân hàng đang giữ bản gốc chứng nhận đăng ký xe ô tô trên). Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 8783709.1/2021/HĐTC ngày 05/02/2021. Hai bên đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng vào ngày 02/5/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 7/2022. Tính đến hết ngày 26/2/2024, tại hợp đồng này, công ty T còn nợ Ngân hàng số tiền 351.191.155đ (trong đó: nợ gốc là 299.445.889đ, nợ lãi trong hạn là 34.976.296đ, lãi quá hạn là 16.768.970đ).

Ngân hàng Đ1, nhắc nhở, gửi thông báo nợ quá hạn cũng như mời Khách hàng vay làm việc cụ thể về vấn đề trả nợ nhưng Khách hàng vay không làm việc, không thiện chí và hợp tác trả nợ.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu công ty T phải thanh toán toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 26/04/2023:

+ Đối với hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 8783709/2018.NS/HĐTD ngày 21/05/2018: Dư nợ gốc 104.100.000đ nợ lãi: 11.009.013đ (Trong đó: Tiền lãi trong hạn là 9.186.021đ, lãi quá hạn là 1.822.992đ). Tổng là 115.109.013đ.

+ Đối với Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 8783709/2021/HĐTD ngày 05/02/2021: Dư nợ gốc: 299.445.889đ, nợ lãi: 25.414.537đ (Trong đó: Lãi trong hạn là 17.403.334đ, lãi quá hạn là 8.011.203đ). Tổng là 324.860.426đ

Tổng số tiền gốc và lãi của khách hàng tại Ngân hàng đến hết ngày 26/04/2023: 439.969.439đ (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm ba mươi chín đồng).

Tính đến hết ngày 26/2/2024, công ty T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền:

480.264.447đ (trong đó nợ gốc là 403.545.889đ, lãi trong hạn là 53.514.775đ, lãi quá hạn là 23.203.783đ).

Nay Ngân hàng buộc **công ty T** phải trả toàn bộ số tiền nợ như trên và lãi phát sinh theo 02 Hợp đồng trên kể từ ngày xét xử cho đến khi **công ty T** trả hết nợ. Trường hợp **công ty T** không trả được số tiền nợ trên, Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

\* *Người đại diện theo pháp luật của **công ty T** là ông **Lê Hồng L** có bản tự khai trình bày như sau:*

**Công ty Cổ phần T** là khách hàng vay vốn **ngân hàng TMCP N** tại các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 8783709/2018/NS-HĐTD ngày 21/5/2018. Số tiền vay theo hợp đồng là 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng). Dư nợ gốc tính đến ngày 23/7/2023 là 104.000.000đ.

+ Hợp đồng cho vay theo hạn mức 8783709/2021/HĐTD ngày 05/2/2021. Số tiền vay theo hợp đồng là 1.000.000.000đ. Dư nợ gốc hiện tại 299.445.889đ.

Tính đến ngày 23/7/2023 tổng tiền nợ gốc và lãi, lãi quá hạn của **công ty T** tại **Ngân hàng CI** là 449.175.899đ. Lý do chậm trả nợ là do kinh doanh gặp khó khăn, các doanh nghiệp khác cũng đang nợ lại nên chậm trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

*Quan điểm của Kiểm sát viên:*

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, **công ty T** phải trả nợ toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng; trường hợp **công ty T** không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 không rõ lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung hợp đồng:

Căn cứ chứng cứ vụ án và nội dung các bên đương sự thừa nhận, có cơ sở xác định Ngân hàng TMCP C1 và công ty cổ phần T đã thỏa thuận ký kết 02 hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 8783709/2018.NS/HĐTD ngày 21/5/2018. Số tiền vay: 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng). Lãi suất cho vay trong hạn là 9.5%/năm và cố định trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, khoản vay sau thời gian ưu đãi = lãi suất huy động VND 24 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng 3.5%/năm nhưng không thấp hơn sản cho vay cùng kỳ hạn của từng sản phẩm theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm đó, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần vào ngày mùng 5 hàng tháng đầu quý theo thông báo lãi suất từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP N, chi nhánh N1. Mức lãi suất áp dụng với dư nợ gốc bị quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn rút vốn vay là 02 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng có hiệu lực. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Tucson mới 100%. Ngày 21/5/2018, Ngân hàng đã giải ngân cho công ty T số tiền 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng). Tài sản đảm bảo cho việc vay vốn theo Hợp đồng tín dụng trên là 01 xe ô tô con, 05 chỗ nhãn hiệu HYUNDAI, Biển kiểm soát: 36A-321.01. (Ngân hàng đang giữ bản gốc chứng nhận đăng ký xe ô tô trên). Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 8783709/2018.NS/HĐTC ngày 21/05/2018. Hai bên đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng vào ngày 21/05/2018.

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 8783709/2021/HĐTD ngày 05/2/2021. Số tiền cho vay là 1.000.000.000đ (một tỉ đồng). Lãi suất vay trong hạn áp dụng cho từng giấy nhận nợ là mức lãi suất cho vay ngắn hạn do bên cho vay công bố tại trụ sở của bên cho vay thời điểm nhận nợ, với mỗi khoản nhận nợ, lãi suất được cố định trong suốt thời hạn vay. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là 7.5%. Mức lãi suất áp dụng với dư nợ gốc bị quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn rút vốn vay là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng có hiệu lực. Thời hạn cho vay tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày ngân hàng giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay vốn là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngày 05/2/2021, Ngân hàng đã giải ngân cho công ty T số tiền 300.000.000đ (ba

trăm triệu đồng). Tài sản bảo đảm cho việc vay vốn theo hợp đồng tín dụng trên là 01 xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu Toyota Camry Q, B kiểm soát: 36A-187.63. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 8783709.1/2021/HĐTC ngày 05/02/2021. Hai bên đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng vào ngày 02/5/2021.

Như vậy, giao dịch dân sự về hợp đồng tín dụng được xác lập bởi nguyên đơn, bị đơn là hợp pháp.

*[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

*[3.1] Lý do dẫn đến việc khởi kiện:*

Theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 8783709/2018.NS/HĐTD ngày 21/5/2018 và giấy nhận nợ: Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi hàng tháng theo lịch trả nợ, cụ thể nợ gốc được trả làm 60 kỳ, 01 tháng/kỳ. Tuy nhiên công ty T chỉ thực hiện đúng hợp đồng đến tháng 6/2022, bắt đầu từ tháng 7/2022 công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến hết ngày 26/2/2024, tại hợp đồng này công ty T còn nợ Ngân hàng số tiền: 129.073.292đ (trong đó nợ gốc là 104.100.000đ, nợ lãi trong hạn là 18.538.479đ, lãi quá hạn là 6.434.813đ).

Theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 8783709/2021/HĐTD ngày 05/2/2021 và giấy nhận nợ: Thời hạn vay là 175 ngày, kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân (ngày đến hạn là 22/7/2022). Tuy nhiên, đến nay công ty T vẫn chưa trả hết nợ cho Ngân hàng. Tính đến hết ngày 26/2/2024, tại hợp đồng này công ty T còn nợ Ngân hàng số tiền: 351.191.155đ (trong đó: nợ gốc là 299.445.889đ, nợ lãi là 34.976.296đ, lãi quá hạn là 16.768.970đ).

Do vậy, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu công ty T phải thanh toán nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

*[3.2] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi suất theo Hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi công ty T thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.*

*[3.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng:*

Căn cứ theo quy định tại Điều 299, Điều 323, Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015; điều 56, 58, 59 và 63 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 8783709.1/2021/HĐTC ngày 05/02/2021 và Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 8783709/2018.NS/HĐTC ngày 21/05/2018 là đúng theo quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp của cả hai hợp đồng đều là ô tô, đã được thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài

sản tại Đà Nẵng. Nên yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, sau khi án có hiệu lực pháp luật, trong trường hợp công ty T không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Buộc công ty T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ:**

Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 351, 357, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty cổ phần T.

2. Buộc Công ty cổ phần T phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ của cả hai hợp đồng tín dụng đã ký kết, cụ thể:

- Dư nợ của hợp đồng cho vay theo hạn mức số 8783709/2021/HĐTD tính đến hết ngày 26/2/2024 là:

351.191.155đ (trong đó: nợ gốc là 299.445.889đ, nợ lãi trong hạn là 34.976.296đ, lãi quá hạn là: 16.768.970đ).

- Dư nợ của hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 8783709/2018.NS/HĐTD tính đến hết ngày 26/2/2024 là: 139.073.292đ (trong đó: nợ gốc là 104.100.000đ, nợ lãi trong hạn là 18.538.479đ, lãi quá hạn là 6.434.813đ).

Kể từ ngày 27/2/2024 cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty cổ phần T không trả được số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi

hành án Dân sự thị xã Nghi Sơn, Thanh Hoá phát mãi tài sản thế chấp gồm:

- 01 xe ô tô con, 05 chỗ nhãn hiệu HYUNDAI, số loại Tucson theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 053343 do phòng C công an tỉnh T cấp cho Công ty cổ phần T ngày 14/05/2018, Biển kiểm soát: 36A – 321.01. Số khung W13BJN003221. Số máy: G4NAJU926834.

- 01 xe ô tô con 05 chỗ, nhãn hiệu Toyota Camry Q theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021877 do phòng C công an tỉnh T cấp cho Công ty Cổ phần T ngày 05/02/20216, Biển kiểm soát: 36A-187.63. Số khung: 3FK8F6007996. Số máy: 2AR1414944.

Trường hợp Công ty cổ phần T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng trước khi phát mãi tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho Công ty cổ phần T bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của hai xe ô tô trên.

**Về án phí:**

Công ty cổ phần T phải chịu 23.210.500đ (hai mươi ba triệu hai trăm mười nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu án phí. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N số tiền 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0012625, ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

**Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thanh Huyền**

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGHI SƠN  
TỈNH THANH HOÁ  
Số: 01/2024/QĐ-TA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

*Nghi Sơn, ngày 26 tháng 03 năm 2024*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
- Xét thấy cần sửa chữa Bản án do có lỗi nhầm lẫn về số liệu trong Bản án Kinh doanh thương mại số 03/2024/KDTM-ST ngày 27/02/2024 của TAND thị xã Nghi Sơn đối với các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: A T, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị H - Giám đốc Ngân hàng TMCP N, chi nhánh N1.

Người được ủy quyền lại:

- + Ông **Lê Thanh Đ** - Phó Giám đốc **Ngân hàng TMCP N**, **Chi nhánh N1**.
- + Ông **Nguyễn Mạnh H1** - Phó Trưởng phòng khách hàng **Ngân hàng TMCP N** - **Chi nhánh N1**.

*Bị đơn:* Công ty cổ phần T.

Địa chỉ: **Thôn N, xã T, TX N, tỉnh Thanh Hóa**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Hồng L** - Chức vụ: Giám đốc.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Sửa chữa Bản án số 03/2024/KDTM-ST ngày 27/02/2024 của TAND thị xã Nghi Sơn như sau:

Tại dòng thứ 04, 05, 06 từ trên xuống của trang 08 Bản án đã ghi: “*Dư nợ của hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 8783709/2018.NS/HĐTD tính đến hết ngày 26/2/2024 là: 139.073.292đ (trong đó: nợ gốc là 104.100.000đ, nợ lãi trong hạn là 18.538.479đ, lãi quá hạn là 6.434.813đ).*”

Nay sửa chữa như sau: “*Dư nợ của hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 8783709/2018.NS/HĐTD tính đến hết ngày 26/2/2024 là: 129.073.292đ (trong đó: nợ gốc là 104.100.000đ, nợ lãi trong hạn là 18.538.479đ, lãi quá hạn là 6.434.813đ).*”

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thanh Huyền**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGHI SƠN  
TỈNH THANH HOÁ**  
Số: /2024/QĐ-TA

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

*Nghi Sơn, ngày tháng 03 năm 2024*

### **QUYẾT ĐỊNH**

### **SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

- Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Xét thấy cần sửa chữa, bổ sung Bản án do có lỗi nhầm lẫn về đánh máy trong Bản án Kinh doanh thương mại số 03/2024/KDTM-ST ngày 27/02/2024 của TAND thị xã Nghi Sơn giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP N**

Địa chỉ: **A T, quận H, thành phố Hà Nội;**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Quang D** - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Thị H** - Giám đốc **Ngân hàng TMCP N, chi nhánh N1**.

Người được ủy quyền lại:

+ Ông **Lê Thanh Đ** - Phó Giám đốc **Ngân hàng TMCP N, Chi nhánh N1**.

+ Ông **Nguyễn Mạnh H1** - Phó Trưởng phòng khách hàng **Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh N1**.

*Bị đơn:* **Công ty cổ phần T**.

Địa chỉ: **Thôn N, xã T, TX N, tỉnh Thanh Hóa**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Hồng L** - Chức vụ: Giám đốc.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Sửa chữa Bản án số 03/2024/KDTM-ST ngày 27/02/2024 của TAND thị xã Nghi Sơn như sau:

1/ Tại dòng thứ 18 từ trên xuống của trang 08 Bản án đã ghi: “Số máy: *G4NAJU926834.*”

Nay bổ sung như sau: “Số máy: *G4NAJU926834. Theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 8783709/2018.NS/HĐTC ngày 21/05/2018.*”

2/ Tại dòng thứ 21 từ trên xuống của trang 08 Bản án đã ghi: “ngày *05/02/20216*”

Nay sửa đổi như sau: “*ngày 05/02/2016*”

3/ Tại dòng thứ 22 từ trên xuống của trang 08 Bản án đã ghi: “Số máy: *2AR1414944.*”

Nay bổ sung như sau: “Số máy: *2AR1414944. Theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 8783709.1/2021/HĐTC ngày 05/02/2021*”.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thanh Huyền**